

Bản án số: 682/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 12 - 2025

V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2. Ông Phạm Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 641/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 798/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt).

Số CMND: 261333438

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố G, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

Số CCCD: 060092014540

Địa chỉ: Số C đường C, Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2025 và lời khai tại Tòa, các đương sự thống nhất trình bày:

Bà Huỳnh Thị X và ông Võ Minh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 tại Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) ngày 04/02/2020. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, sau vài năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống khác nhau. Năm 2023, tình trạng mâu thuẫn vợ

chồng không cải thiện và ngày càng trầm trọng nên bà X đã qua Hàn Quốc sinh sống và làm việc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà X và ông T đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có con chung là trẻ Võ Minh K, sinh ngày 10/03/2020, cả hai đều thống nhất giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, và ông T không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên đều khai không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị X yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là ông Võ Minh T thường trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 cấp ngày 04/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng), có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị X và ông Võ Minh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của bà X, ông T đều thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống khác nhau, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể sống chung. Năm 2023, bà X đã qua Hàn Quốc sinh sống và làm việc cho đến nay. Cả hai đều thuận tình ly hôn. Do các đương sự thuận tình ly hôn nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà X và ông T theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà X và ông T có con chung là trẻ Võ Minh K, sinh ngày 10/03/2020. Hai bên thống nhất giao con chung

cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị X và ông Võ Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Võ Minh K, sinh ngày 10/03/2020 cho ông Võ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Minh T không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người

trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), bà X tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0038682 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV4, TP. HCM;
- THADS TP. HCM,
- UBND phường Phan Thiết,
Tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan